

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG
Bản án số: 75/2025/DS-PT
Ngày 21-05-2025
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng*
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh [Ứng](#).
Các Thẩm phán: Ông Quách Trọng Sơn và ông Dương Hà Ngân.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2024/TLPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do [bản](#) dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DSST ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo [Quyết](#) định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà [Đoàn Thị H](#), sinh năm 1960; địa chỉ: [Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Văngmặt](#).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông [Nguyễn Thanh T](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Văngmặt](#).

Bị đơn: Ông [Ninh Văn Đ](#), sinh năm 1962; địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt](#).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông [Phạm Quốc H1](#), sinh năm 1986; địa chỉ: [Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk](#) – [Cómặt](#)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông [Nguyễn Văn T1](#), sinh năm 1991; Luật sư – [Công ty L.20](#) thuộc Đoàn [Luật](#) tỉnh Đắk Nông – [Văngmặt](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông [Vũ Tuyền M](#), sinh năm 1957; địa chỉ: [Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#) – [Văngmặt](#).

Người đại diện theo ủy quyền của ông [Vũ Tuyền M](#): Ông [Nguyễn Thanh T](#), sinh năm 1973; địa chỉ: [Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#).

2. Bà [Lê Thị T2](#), sinh năm 1962; địa chỉ: [Thôn G, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#). – [Văng mặt](#).

3. Bà [Lê Thị K](#), sinh năm 1965; địa chỉ: [Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#). – [Văng mặt](#).

Người kháng cáo: Bị đơn ông [Ninh Văn Đ](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện nguyên đơn ông [Nguyễn Thanh T](#) trình bày:

Ngày 20-12-2022 bà [H](#) có cho ông [Đ](#) vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 20-3-2023 ông [Đ](#) sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi. Khi cho vay ông [Đ](#) có ký nhận vào giấy vay ngày 20- 12-2022, đến hạn trả nợ mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng ông [Đ](#) vẫn không trả. Về tiền lãi suất: Tại thời điểm vay tiền ngày 20-12-2022 thì hai bên có thỏa thuận và có ghi vào giấy vay tiền với lãi suất là 1%/tháng. Do đó yêu cầu Tòa án [giảibuộc](#) ông [Ninh Văn Đ](#) phải trả cho bà [Đoàn Thị H](#) số tiền 450.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất trong hạn 1%/01 tháng tính từ ngày 20-12-2022 đến ngày 20-3-2023 là 13.500.000 đồng và tiền lãi suất quá hạn 2,6%/01 tháng tạm tính từ ngày 21-3-2023 đến ngày 21-4-2024 là 152.100.000 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi suất là 615.600.000 đồng. Ngày 25-9-2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông [Ninh Văn Đ](#) phải trả cho bà [Đoàn Thị H](#) số tiền 450.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất tính từ ngày 20- 3-2023 đến ngày 26-9-2024 theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện bị đơn trình bày:

Năm 2017, ông [Đ](#) có nhờ bà [T2](#) vay hộ của bà [H](#) số tiền vay 200.000.000 đồng tiền gốc, sau khi vay bà [T2](#) đã giao đủ số tiền vay cho ông. Đến năm 2022 bà [Lê Thị T2](#) nói muốn chốt nợ đề về quê nên ông [Đ](#), bà [T2](#) đến nhà bà [H](#), tại đây ông

ký nhận nợ với bà [Đoàn Thị H](#) số tiền 450.000.000 đồng, thực tế ông không nhận tiền từ bà [H](#), ông [Đ](#) cho rằng số tiền ông ký nhận trong giấy vay tiền ngày 20-12-2022 với số tiền vay là 450.000.000 đồng là tiền lãi suất trên số tiền ông [Đ1](#) Tiềm vay hộ của bà [H](#) năm 2017 với số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, trong năm 2018 ông đã trả tiền cho bà [H](#) 250.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng). Việc vay tiền vợ ông là bà [Lê Thị K](#) hoàn toàn không biết và số tiền vay ông không đưa về sử dụng, sinh hoạt chung trong gia đình. Tại thời điểm ông ký nhận trong giấy vay tiền ngày 20-12-2022 là tỉnh táo, tự nguyện và không bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự. Lúc này có bà [T2](#) biết và chứng kiến sự việc nhưng không ký vào giấy vay tiền ngày 20-12-2022. Về tiền lãi suất ghi trong giấy vay tiền ngày 20-12-2022 là 1%/01 tháng là không đúng sự thật, ai tự ghi vào sau, ông [Đ2](#) biết.

Nay bà [H](#) khởi kiện yêu cầu ông [Đ](#) phải trả tổng số tiền 615.600.000 đồng (trong đó số tiền 450.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất trong hạn là 13.500.000 đồng và tiền lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 21-3-2023 đến ngày 21-4-2024 là 152.100.000 đồng). Ông [Đ](#) không đồng ý trả nợ cho bà [H](#), vì ông [Đ](#) chỉ vay 200.000.000 đồng và đã trả được 250.000.000 đồng và việc chốt nợ 450.000.000 đồng trên trái quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà [Đoàn Thị H](#) và ông [Vũ Tuyên M](#) đều thống nhất với ý kiến trình bày của ông [Nguyễn Thanh T](#), không có ý kiến bổ sung gì thêm.

- Bà [Lê Thị K](#) thống nhất với ý kiến trình bày của ông [Ninh Văn Đ](#), không có ý kiến bổ sung gì thêm.

- Bà [Lê Thị T2](#) trình bày: Khoảng năm 2017 ông [Ninh Văn Đ](#) có nhờ bà đi vay tiền của bà [Đoàn Thị H](#) với số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi vay tiền thì bà đưa cho ông [Đ](#) hết số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà [H](#) viết vào sổ của bà [H](#) và bà ký, giấy này bà [H](#) giữ. Bà [T2](#) chỉ là người đi vay tiền giúp cho ông [Đ](#), còn việc trả nợ cho bà [H](#) thì ông [Đ](#) tự trả nợ và việc trả nợ như thế nào thì giữa ông [Đ](#) và bà [H](#) bà [T2](#) hoàn toàn không biết. Đến cuối năm 2022 bà có ý định về quê sinh sống, lúc này bà có gọi ông [Đ](#) đến nhà bà [H](#) để ba bên bàn giao lại số tiền nợ 200.000.000 đồng mà bà đã vay giúp cho ông [Đ3](#). Lúc này tại nhà bà [H](#), giữa bà [H](#) và ông [Đ](#) tự tính toán như thế nào thì bà không biết, nhưng tổng số tiền ông [Đ](#) ký nhận nợ trong sổ của bà [Đoàn Thị H](#), với tổng số tiền nợ là 450.000.000 đồng. Khi ông [Đ](#) ký nhận nợ số tiền 450.000.000 đồng trong sổ của bà [H](#) thì có bà chứng kiến. Tiềm được biết trong tổng số tiền còn nợ là 450.000.000 đồng mà ông [Đ4](#) nợ trong sổ của bà [Đoàn Thị H](#) thì trong đó có tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, cụ thể tiền gốc và tiền nợ lãi bao nhiêu thì bà không biết. Trong giấy vay tiền ngày 20-12-2022 với số tiền vay là 450.000.000 đồng ông [Đ](#) có ký nhận bà có mặt thì không

ghi lãi suất 1%/01 tháng, còn việc ai ghi lãi suất 1%/01 tháng vào thì bà không chứng kiến, bà T2 không có lần nào đi trả nợ cho bà H thay cho ông Đ. Hiện nay bà, ông Đ và H không có liên quan gì đến các khoản vay, nợ và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DSST ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,2,3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản đ Điều 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết 326/UBTVQH của Ủy Ban Vụ Hội 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 1,2 Điều 401, Điều 463, khoản 1,4 Điều 433, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015,

Tuyênxử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với ông Ninh Văn Đ. Buộc ông Ninh Văn Đ phải trả cho bà Đoàn Thị H và ông Vũ Tuyền M tổng số tiền 518.250.000 đồng (trong đó số tiền gốc 450.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 20-3-2023 đến ngày 26-9-2024 là 68.250.000 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-9-2024, ông Ninh Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tuyên hủy bảnsơ thẩm 58/2024/DSST ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bảnán theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn. Các bên đương sự không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dânsự tại Toà án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Ninh Văn Đ, giữ nguyên bảndân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của ông [Ninh Văn Đ](#) thực hiện trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. *Xét nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo của ông [Ninh Văn Đ](#)*:

[2.1]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn căn cứ (giấy vay tiền) ngày 20-12-2022 giữa các bên đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 20-12-2022 với số tiền vay là 450.000.000 đồng là do bị đơn ký và hoàn toàn tự nguyện, lý giải số nợ này bị đơn cho rằng năm 2017 bị đơn có nhờ bà [T2](#) đứng ra vay bà [H](#) hộ ông số tiền 200.000.000 đồng, sau khi bà [T2](#) vay tiền của bà [H](#) đã giao lại cho ông đủ số tiền 200.000.000 đồng, việc giao tiền không có lập thành văn bản, ông có nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi cho bà [H](#), đến năm 2022 bà [T2](#) về quê nên có yêu cầu bị đơn ký nhận nợ với bà [H](#), lời khai này của bị đơn phù hợp với lời khai của bà [T2](#). Như vậy, có căn cứ xác định bản chất của giấy vay tiền đề ngày 20-12-2022 với số tiền 450.000.000 đồng là việc bị đơn xác nhận số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 250.000.000 đồng với người cho vay (bà [H](#)) mà bị đơn nhờ bà [T2](#) đứng ra vay hộ bị đơn từ năm 2017 là có thật, hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật [dân](#)sự.

Việc bị đơn có ý kiến cho rằng tại thời điểm xác nhận vay tiền ngày 20-12-2022 bị đơn không nhận số tiền 450.000.000 đồng nên không có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, HĐXX cũng cần xem xét lại số tiền lãi của số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng từ năm 2017 đến tháng 12 năm 2022 giữa các bên thỏa thuận có vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật [dân](#)sự hay không để xác định lại cho đúng quy định của pháp luật.

[2.1,1]. Như nhận định tại tiểu mục [2.1] [bản](#)của [giấy](#)tiền đề ngày 20-12-2022 với số tiền 450.000.000 đồng là việc bị đơn xác nhận số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 250.000.000 đồng với người cho vay (bà [H](#)) mà bị đơn nhờ bà [T2](#) đứng ra vay hộ bị đơn từ năm 2017. Do quá trình giải quyết các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh [rõ](#)gian ngày, tháng vay mà chỉ thống nhất thời gian vay là năm 2017 nên căn cứ Điều 144, điểm a khoản 1 Điều 146, khoản 2 Điều 147, khoản 4 Điều 148 của Bộ luật Dân sự xác định năm 2017 là 365 ngày. Thời gian vay từ năm 2017 đến ngày 20-12-2022 là 5 năm 11 tháng 20 ngày = 2.180 ngày. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật [dân](#)thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm nên tiền lãi được xác định là 239.800.000 đồng (200.000.000 đồng x 20% : 12 tháng : 30 ngày x 2.180 ngày). Như [vây](#),lãi các bên thỏa thuận 250.000.000 đồng là vượt quá so với quy định của pháp luật là

10.200.000 đồng nên số tiền lãi vượt quá 20%/năm bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 123 Bộ luật [dân](#) [vây](#), cơ sở xác định đến ngày 20-12-2022 bị đơn nợ nguyên đơn số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 239.800.000 đồng, tổng cộng là 439.800.000 đồng. Việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng là chưa chính xác nên cần sửa lại cho đúng.

[2.1,2]. Về tính lãi suất: Việc cấp sơ thẩm tính lãi suất và buộc bị đơn phải trả lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên do sửa một phần bản án, không chấp nhận số tiền 10.200.000 đồng nên cần tính lại cho phù hợp.

[2.2]. Xét lời khai của bị đơn cho rằng sau khi nhờ bà [T2](#) đứng ra vay tiền của bà [H](#) thì khoảng tháng 9 năm 2018, bị đơn đã trực tiếp trả hết nợ gốc và tiền lãi cho bà [H](#) hai lần tổng số tiền 250.000.000 đồng nhưng cho rằng việc trả nợ không ghi giấy tờ gì, tình tiết này phía [nguyên](#) không thừa nhận nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[2.3]. Xét ý kiến của đại diện bị đơn cho rằng [giấy](#) tiền đề ngày 20-12-2022 giữa ông [Được](#) bà [H2](#) có sự chứng kiến của bà [T2](#) là giao dịch giả tạo nhằm che dấu giao dịch vay giữa bà [T3](#) với ông [Đ2](#) có căn cứ để chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[2.4]. Từ những nhận định và phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 439.800.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí [dân](#) sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà [Đoàn Thị H](#) được chấp nhận một phần nên [Ninh Văn Đ](#) phải chịu án phí đối với số tiền 506.533.000 đồng (*Năm trăm lẻ sáu triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng*) phải trả cho bà [H](#), ông [M](#). Tuy nhiên, ông [Ninh Văn Đ](#) là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà [Đoàn Thị H](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 10.200.000 đồng x 5% = 510.000 đồng (*năm trăm mười ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 14.321.000 đồng (*mười bốn triệu ba trăm hai mươi một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí

số 0004159 ngày 20-5-2024 tại Chi cục hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị H 13.811.000 đồng (*mười ba triệu tám trăm mười một ngàn đồng*).

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ninh Văn Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ninh Văn Đ, sửa bản dân sự sơ thẩm số 58/2024/DSST ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 117, Điều 123, Điều 144, điểm a khoản 1 Điều 146, khoản 2 Điều 147, khoản 4 Điều 148, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với ông Ninh Văn Đ. Buộc ông Ninh Văn Đ phải trả cho bà Đoàn Thị H và ông Vũ Tuyên M số tiền nợ gốc là 439.800.000 đồng, tiền lãi là 66.733.000 đồng, tổng số tiền là 506.533.000 đồng (*Năm trăm lẻ sáu triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H đối với số tiền 10.200.000 đồng (*mười triệu hai trăm ngàn đồng*).

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ninh Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc bà Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 510.000 đồng (*năm trăm mười ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 14.321.000 đồng (*mười bốn triệu ba trăm hai mươi một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004159 ngày 20-5-2024 tại Chi cục hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị H 13.811.000 đồng (*mười ba triệu tám trăm mười một ngàn đồng*).

.2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông [Ninh Văn Đ](#) được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng